

Doanh nghiệp: HOA SEN GROUP

Mã chứng khoán: HSG

Địa chỉ: 9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD

Mã số thuế: 3 7 0 0 3 8 1 3 2 4

Tel: 083.9990111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Báo cáo riêng)

- | | |
|---------------------------------|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B.01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2017)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.573.493.971.009	11.981.820.448.603
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	218.097.639.729	239.918.988.521
1	Tiền	111		217.954.117.854	239.775.466.646
2	Các khoản tương đương tiền	112		143.521.875	143.521.875
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	DP giữ để chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.408.579.700.011	4.930.670.266.498
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	7.756.966.318.246	3.975.438.722.818
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	303.199.330.138	97.586.233.122
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.660.295.900	25.400.000.000
6	Các khoản phải thu khác	136	V.4	345.957.358.092	837.048.913.123
7	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.203.602.565)	(4.803.602.565)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140	V.6	2.658.531.270.854	5.428.029.021.406
1	Hàng tồn kho	141		2.674.451.135.675	5.450.815.683.238
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(15.919.864.821)	(22.786.661.832)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.288.285.360.415	1.383.202.172.178
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	98.245.129.967	74.422.775.292
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.189.961.294.899	1.308.779.396.886
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		78.935.549	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.203.342.378.802	5.043.205.602.817
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		74.686.721.457	74.974.967.200
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	74.686.721.457	74.974.967.200
6	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	217		-	-
II	Tài sản cố định	220		2.029.208.712.520	2.746.644.774.699
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.671.709.518.700	2.463.196.998.804
	- Nguyên giá	222		3.285.057.817.019	4.566.370.722.477
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.613.348.298.319)	(2.103.173.723.673)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	66.383.049.134	24.855.221.380
	- Nguyên giá	225		80.311.384.538	39.019.437.785
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(13.928.335.404)	(14.164.216.405)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	291.116.144.686	258.592.554.515
	- Nguyên giá	228		319.913.094.174	281.826.289.976
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(28.796.949.488)	(23.233.735.461)

Các thuyết minh là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2017)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	15.213.335.653	247.666.367.726
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.213.335.653	247.666.367.726
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	2.841.452.244.583	1.724.245.102.467
1	Đầu tư vào công ty con	251		2.680.576.000.000	1.633.276.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		99.276.244.583	80.302.178.134
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	(35.933.075.667)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		61.600.000.000	46.600.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		242.781.364.589	249.674.390.725
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	221.367.996.561	216.697.658.464
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	21.413.368.028	32.976.732.261
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.776.836.349.811	17.025.026.051.420

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 209/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2018)	Số đầu kỳ (01-10-2017)
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		12.654.899.459.661	11.720.086.045.466
I	Nợ ngắn hạn	310		12.484.469.610.901	11.480.180.605.636
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.1	1.185.751.295.744	3.308.069.444.117
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.2	222.076.681.450	357.924.180.945
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	166.124.249.706	146.954.619.391
4	Phải trả người lao động	314		63.025.447.448	80.555.222.032
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	28.441.721.960	62.825.939.966
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	674.077.889.616	60.239.346.258
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	10.071.822.889.561	7.402.317.620.460
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.149.435.416	61.294.232.467
II	Nợ dài hạn	330		170.429.848.760	239.905.439.830
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	167.638.693.760	237.114.284.830
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	2.791.155.000	2.791.155.000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.121.936.890.150	5.304.940.005.954
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	5.121.936.890.150	5.304.940.005.954
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	151.583.183.521	151.583.183.521
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.19	(568.000.000)	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	-	-
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	63.275.558.157	34.525.741.195
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	1.057.742.868.472	1.618.854.251.238
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		818.143.985.703	265.082.554.604
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		239.598.882.769	1.353.771.696.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400 = 300+400)		440		17.776.836.349.811	17.025.026.051.420

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám Đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền



Nguyễn Thị Ngọc Lan



TRẦN QUỐC TRÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/04/2018 - 30/06/2018	Lấy kể từ 01/10/2017 - 30/06/2018	Kỳ trước 01/04/2017 - 30/06/2017	Lấy kể từ 01/10/2016 - 30/06/2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.21	17.547.392.125.440	46.892.811.812.519	11.994.961.555.970	34.024.256.479.386
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.22	24.316.512.091	124.009.723.782	47.976.728.021	129.484.070.316
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-02)	10	V.23	17.523.075.613.349	46.768.802.088.737	11.946.984.827.949	33.894.772.409.070
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.24	16.867.865.464.420	44.518.792.136.374	11.136.680.919.019	31.420.820.823.230
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		655.210.148.929	2.250.009.952.363	810.303.908.930	2.473.951.585.840
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	15.823.668.358	46.332.119.537	18.837.352.759	49.701.077.876
7.	Chi phí tài chính	22	V.26	125.412.095.036	360.597.922.254	96.497.889.576	312.370.006.603
8.	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.863.083.894	325.153.803.990	91.298.686.928	228.137.516.846
9.	Chi phí bán hàng	25	V.29	418.794.620.632	1.108.637.427.089	349.854.260.186	872.792.529.389
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.29	185.879.931.049	531.788.470.761	176.865.187.848	441.357.350.399
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		(59.052.829.430)	295.318.251.796	205.923.924.079	897.132.777.325
12.	Thu nhập khác	31	V.27	3.701.282.510	29.443.002.087	9.477.963.995	68.543.880.449
13.	Chi phí khác	32	V.28	114.049.385	1.093.362.414	667.940.327	1.306.819.766
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.587.233.125	28.349.639.673	8.810.023.668	67.237.060.683
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(55.465.596.305)	323.667.891.469	214.733.947.747	964.369.838.008
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	975.426	72.505.644.467	43.396.250.353	169.757.830.927
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.31	-	11.563.364.233	-	35.502.501.304
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(55.466.571.731)	239.598.882.769	171.337.697.394	759.109.505.777

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Tổng Giám Đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Nguyễn Thị Ngọc Lan

TRẦN QUỐC TRÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	TM	Lấy kể từ 01/10/2017 - 30/06/2018	Lấy kể từ 01/10/2016 - 30/06/2017
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		323.667.891.469	964.369.838.008
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		242.238.489.860	302.504.354.647
- Các khoản dự phòng	03		(42.399.872.678)	11.893.520.319
- Lãi, lỗ CLTG hồi đối do đánh giá lại các khoản mục tiền lệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.767.413.415)	(23.367.751.658)
- Chi phí lãi vay	06		325.153.803.990	228.137.516.846
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		829.892.899.226	1.483.537.478.162
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.549.729.763.663)	(2.061.096.202.998)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.776.364.547.563	592.141.818.060
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.636.104.511.098)	(918.494.633.421)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.492.692.772)	(92.963.575.125)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(335.915.403.766)	(230.848.458.811)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(102.669.903.578)	(212.185.061.330)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(60.221.412.624)	(56.733.481.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.106.876.240.712)	(1.496.642.116.507)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(214.608.982.798)	(402.468.898.676)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		106.176.459.478	54.824.983.278
3 Tiền chi để từ góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.080.172.266.449)	(488.050.000.000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.898.200.000	-
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.298.283.458	1.832.422.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.164.498.306.311)	(833.861.492.930)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	34.601.710.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32		(568.000.000)	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		21.517.240.362.538	15.557.414.207.087
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.910.687.191.057)	(13.317.011.625.969)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.523.493.440)	(14.804.894.438)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(349.998.479.800)	(196.237.241.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.249.463.198.231	2.063.962.245.080
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(21.821.348.792)	(266.541.364.357)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		239.918.988.521	447.518.356.022
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		218.097.639.729	180.976.991.665

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám Đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền



Nguyễn Thị Ngọc Lan



TRẦN QUỐC TRÍ

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 05 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ	3.849.903.280.000 VND
Số lượng cổ phiếu	384.990.328 cổ phiếu

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và thương mại

3- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 35 ngày**4- Ngành nghề kinh doanh**

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

5- Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty con: Đến thời điểm hiện tại Công ty có 16 Công ty con

- **CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN**
Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN**
Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN**
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, H. Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH**
Địa chỉ: Lô A1.1 và TT6.2 & 7 Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Tx. An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NGHỆ AN**
Địa chỉ: Lô CN 1-8 Khu công nghiệp Đông Hảo, X. Quỳnh Lập, TX. Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN HÀ NAM**
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NHƠN HỘI - BÌNH ĐỊNH**
Địa chỉ: Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN VĂN HỘI**

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN YÊN BÁI**
Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN PHÚ MỸ**
Địa chỉ: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG HOA SEN CÀ NÁ - NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ KLH LUYỆN CÁN THÉP HOA SEN CÀ NÁ - NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MTV NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO HOA SEN CÀ NÁ - NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN HOA SEN CÀ NÁ - NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MTV CÁN TÔNG HỢP QUỐC TẾ HOA SEN CÀ NÁ - NINH THUẬN**
Địa chỉ: Thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
 - **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN YÊN BÁI**
Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Công ty có 4 công ty liên kết

- **CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN VÀ CẢNG QUỐC TẾ HOA SEN - GEMADEPT**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN QUY NHƠN**
Địa chỉ: Số 01 Ngõ Mây, Phường Ngõ Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN HỘI VĂN**
Địa chỉ: Số 01 Ngõ Mây, Phường Ngõ Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HOA SEN DU LONG**
Địa chỉ: Số 65 Trần Quang Diệu, Phường Thanh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Danh sách chi nhánh: Hiện tại Công ty có 410 chi nhánh phụ thuộc

- 1 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Lắk
- 2 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kon Tum
- 3 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bàng - Tây Ninh
- 4 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cù My
- 5 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Thành
- 6 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh
- 7 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn Bình Định
- 8 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tân Thành - Long An
- 9 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Phước Bình Định
- 10 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Cần Thơ
- 11 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Khê Tỉnh Gia Lai
- 12 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Nội
- 13 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
- 14 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Tân - An Giang

- 15 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Pleiku Tỉnh Gia Lai
- 16 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 17 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Hồ - Tỉnh Đắk Lắk
- 18 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghệ An
- 19 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy An - Tỉnh Phú Yên
- 20 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trà Vinh
- 21 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phụng Hiệp
- 22 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Long
- 23 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Hòa
- 24 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Ri
- 25 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 26 . Chi Nhánh Long Xuyên - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 27 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Bè
- 28 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bà Rịa - Vũng Tàu
- 29 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cà Mau
- 30 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - Đồng Tháp
- 31 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vũng Liêm
- 32 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩ Thanh
- 33 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sóc Trăng
- 34 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 35 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi
- 36 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Linh - Bình Thuận
- 37 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Thủ Thừa - Long An
- 38 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Đốc
- 39 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Minh
- 40 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Tân - Bình Thuận
- 41 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Năm Căn
- 42 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bạc Liêu
- 43 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
- 44 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Thánh - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 45 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thống Nhất - Tỉnh Đồng Nai
- 46 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tĩnh
- 47 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Cát Bình Định
- 48 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Mỹ Bình Định
- 49 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Mới - An Giang
- 50 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
- 51 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
- 52 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (Bình Dương) - Tại Sơn La
- 53 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thừa Thiên Huế
- 54 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bến Cát - Bình Dương
- 55 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
- 56 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Định Quán - Đồng Nai

- 57 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thốt Nốt
- 58 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trí Tôn - An Giang
- 59 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắc - Đắk Lắk
- 60 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Thiết - Bình Thuận
- 61 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Kar - Đắk Lắk
- 62 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Mil - Đắk Nông
- 63 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thuận Hóa
- 64 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 65 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Tp Cần Thơ
- 66 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Bình
- 67 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - Tp Cần Thơ
- 68 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Tiền Giang
- 69 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình
- 70 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước
- 71 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Giáo - Bình Dương
- 72 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Ninh
- 73 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Hòa - Phú Yên
- 74 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Bái
- 75 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Nhà Máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
- 76 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
- 77 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Thọ
- 78 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Bình
- 79 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Nam
- 80 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Trị
- 81 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ngọc Hồi
- 82 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Trung
- 83 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Yên
- 84 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Định
- 85 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Bình
- 86 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Jút - Đắk Nông
- 87 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Phòng
- 88 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Sê - Gia Lai
- 89 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Phúc
- 90 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Nguyên
- 91 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Kạn
- 92 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Châu-Nghệ An
- 93 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Giang
- 94 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hòa - An Giang
- 95 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Hòa - Long An
- 96 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bom - Đồng Nai
- 97 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Ninh
- 98 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Giang

- 99 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dĩ An - Bình Dương
- 100 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Châu - Tây Ninh
- 101 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Biên - Hà Nội
- 102 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chương Mỹ - Hà Nội
- 103 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bà Rịa
- 104 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Long - Bình Phước
- 105 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phúc Thọ - Hà Nội
- 106 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thường Tín - Hà Nội
- 107 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Châu - Sóc Trăng
- 108 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộc Châu - Sơn La
- 109 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea H'leo - Đắk Lắk
- 110 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang
- 111 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dürk Dơ - Gia Lai
- 112 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ô Môn - Cần Thơ
- 113 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
- 114 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bắc Ninh
- 115 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến An - Hải Phòng
- 116 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lai Châu
- 117 . Chi nhánh số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - TP Cần Thơ
- 118 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lộc Ninh - Bình Phước
- 119 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đoàn Hùng - Phú Thọ
- 120 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dầu Tiếng - Bình Dương
- 121 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Dương
- 122 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Móng Cái - Quảng Ninh
- 123 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kỳ Anh - Hà Tĩnh
- 124 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Long - Hậu Giang
- 125 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư M'gar - Đắk Lắk
- 126 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiểu Cần - Trà Vinh
- 127 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mũi Sơn - Sơn La
- 128 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Quốc - Kiên Giang
- 129 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Nước - Cà Mau
- 130 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Biên - Tây Ninh
- 131 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộ Đức - Quảng Ngãi
- 132 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
- 133 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
- 134 . Chi Nhánh Số 3 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thốt Nốt - TP. Cần Thơ
- 135 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Khánh - Ninh Bình
- 136 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hải Hậu - Nam Định
- 137 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Kinh - Hải Phòng
- 138 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chí Linh - Hải Dương
- 139 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Hồ - Vĩnh Long
- 140 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Động - Hưng Yên

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

141. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hồng Dân - Bạc Liêu
142. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
143. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Miện - Hải Dương
144. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lục Ngạn - Bắc Giang
145. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Định - Thanh Hóa
146. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Hòa - Nghệ An
147. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Nhơn - Bình Định
148. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang
149. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hưng Nguyên - Nghệ An
150. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Xuân - Thanh Hóa
151. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoàng Mai - Nghệ An
152. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bát Xát - Lào Cai
153. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nông Cống - Thanh Hóa
154. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Sơn Thanh Hóa
155. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bù Dốp - Bình Phước
156. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Thủy - Thanh Hóa
157. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Mỹ - Hậu Giang
158. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Điện Biên
159. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Ana - Đắk Lắk
160. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Biên - An Giang
161. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dõ Lương - Nghệ An
162. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Triều - Quảng Ninh
163. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Khánh - Ninh Bình
164. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Phong - Quảng Trị
165. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hương Khê - Hà Tĩnh
166. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
167. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tĩnh Gia - Thanh Hóa
168. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Thành - Nghệ An
169. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Minh Châu - Tây Ninh
170. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Kỳ - Nghệ An
171. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Bình - Cà Mau
172. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Lục - Hà Nam
173. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Đồn - Quảng Bình
174. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bồ Trách - Quảng Bình
175. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại ChuPrông - Gia Lai
176. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tứ Kỳ - Hải Dương
177. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Thọ - Hà Tĩnh
178. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Num Trục - Nam Định
179. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lũng Hà - Thái Bình
180. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phố Yên - Thái Nguyên
181. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Việt Yên Bắc Giang
182. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Lãng - Hải Phòng

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

183. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Bản - Hải Phòng
184. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Từ Sơn - Bắc Ninh
185. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại M'Đrăk - Đắk Lắk
186. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạc Sơn - Hòa Bình
187. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
188. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cầu Ngang - Trà Vinh
189. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Phú - Bình Dương
190. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ngã Năm - Sóc Trăng
191. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Lạc - Hòa Bình
192. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Giao Thủy - Nam Định
193. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Lĩnh - Bình Thuận
194. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hiệp Hòa - Bắc Giang
195. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Tại Quỳnh Phụ Thái Bình
196. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đầm Dơi - Cà Mau
197. Chi Nhánh Số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phú Thọ
198. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Phả - Quảng Ninh
199. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kinh Môn - Hải Dương
200. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Dũng - Bắc Giang
201. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Sơn - An Giang
202. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Điệp - Ninh Bình
203. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quế Võ - Bắc Ninh
204. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Bôi - Hòa Bình
205. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Cẩm - Nghệ An
206. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Chương - Nghệ An
207. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Mã - Sơn La
208. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuấn Giáo - Điện Biên
209. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Linh - Quảng Trị
210. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoài Nhơn - Bình Định
211. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn - Quảng Ngãi
212. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Nhuận - Quảng Ngãi
213. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Sơn - Ninh Bình
214. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nho Quan - Ninh Bình
215. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Cầu - Phú Yên
216. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Phú - Sóc Trăng
217. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Khê - Phú Thọ
218. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Bình - Yên Bái
219. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Lạc - Vĩnh Phúc
220. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Phổ - Quảng Ngãi
221. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Yên - Tuyên Quang
222. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hào - Hưng Yên
223. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Mỹ - An Giang
224. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cần Đức - Long An

- 225 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành- Long An
- 226 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Nhơn- Bình Định
- 227 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 228 . Chi Nhánh Số 2 - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cà Mau
- 229 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Lai- Cần Thơ
- 230 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Sơn- Phú Thọ
- 231 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Bình- Bắc Ninh
- 232 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Tuyên Quang
- 233 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Quao- Kiên Giang
- 234 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành- Tây Ninh
- 235 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Bình- Bạc Liêu
- 236 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Huệ- Long An
- 237 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk
- 238 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Nghĩa Lộ- Yên Bái
- 239 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Búk - Đắk Lắk
- 240 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoài Ân- Bình Định
- 241 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Đôn- Đắk Lắk
- 242 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hoàng Hóa - Thanh Hóa
- 243 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghi Lộc - Nghệ An
- 244 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quý Hợp - Nghệ An
- 245 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạng Giang- Bắc Giang
- 246 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Yên- Quảng Ninh
- 247 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Xương- Thanh Hóa
- 248 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Tân- Bình Thuận
- 249 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thuận Uyển- Lai Châu
- 250 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Can Lộc - Hà Tĩnh
- 251 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Ninh- Khánh Hòa
- 252 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Hình - Phú Yên
- 253 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nga Sơn- Thanh Hóa
- 254 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đại Từ- Thái Nguyên
- 255 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành- Sóc Trăng
- 256 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Tú- Sóc Trăng
- 257 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại U Minh Thượng- Kiên Giang
- 258 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Lữ- Hưng Yên
- 259 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hào- Hưng Yên
- 260 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thiệu Hóa- Thanh Hóa
- 261 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Hà- Quảng Ngãi
- 262 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Thạnh- Bình Dương
- 263 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lý Nhân- Hà Nam
- 264 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phong Điền- Thừa Thiên Huế
- 265 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dương Đông- Kiên Giang
- 266 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lạc Thủy- Hòa Bình

- 267 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thới Bình- Cà Mau
- 268 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phước Long- Bạc Liêu
- 269 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vị Thủy- Hậu Giang
- 270 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phước Yên - Vĩnh Phúc
- 271 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nghĩa Hành - Quảng Ngãi
- 272 . Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Ngọc Lặc - Thanh Hóa
- 273 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Sơn - Phú Thọ
- 274 . Chi Nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Bắc Giang
- 275 . Chi Nhánh Số 2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đoan Hùng - Phú Thọ
- 276 . Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Đông Sơn - Thanh Hóa
- 277 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Hạ Long-Quảng Ninh
- 278 . Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Tại Văn Yên - Yên Bái
- 279 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành - An Giang
- 280 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Lập - Phú Thọ
- 281 . Chi nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hà - Quảng Trị
- 282 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Long Thành Đồng Nai
- 283 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Châu Thành A - Hậu Giang
- 284 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quy Nhơn - Bình Định
- 285 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vụ Bản- Nam Định
- 286 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Phước – Bình Định
- 287 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hắc Dịch - Bà Rịa - Vũng Tàu
- 288 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tương Dương - Nghệ An
- 289 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ấn Thi - Hưng Yên
- 290 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Văn Chấn - Yên Bái
- 291 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Nô - Đắk Nông
- 292 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Gia Viễn - Ninh Bình
- 293 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh An - Quảng Ngãi
- 294 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Bình - Thái Nguyên
- 295 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Bông - Đắk Lắk
- 296 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cam Ranh - Khánh Hòa
- 297 . Chi nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Yên - Lào Cai
- 298 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
- 299 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Vì - Hà Nội
- 300 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tiên - Kiên Giang
- 301 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mai Sơn - Sơn La
- 302 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vũng Tàu
- 303 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại La Gi - Bình Thuận
- 304 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Biên - An Giang
- 305 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bá Thước - Thanh Hóa
- 306 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Thủy - Hòa Bình
- 307 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thạch Thành - Thanh Hóa
- 308 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hương Sơn - Hà Tĩnh

- 309 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lục Nam - Bắc Giang
- 310 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Lão - Hải Phòng
- 311 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến Thụy - Hải Phòng
- 312 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Thành - Nghệ An
- 313 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bảo Thắng - Lào Cai
- 314 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Đường - Lai Châu
- 315 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thuận Châu - Sơn La
- 316 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang
- 317 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Dương - Tuyên Quang
- 318 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Điền - Thừa Thiên Huế
- 319 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Bảng - Hà Nam
- 320 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thịnh Đức - Thái Nguyên
- 321 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Xương - Thanh Hóa
- 322 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nghĩa Hưng - Nam Định
- 323 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lương Sơn - Hòa Bình
- 324 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Yên - Sơn La
- 325 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thái Thụy - Thái Bình
- 326 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cát Lôm - Phú Thọ
- 327 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Đrăng - Đắk Lắk
- 328 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lập Thạch - Vĩnh Phúc
- 329 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vị Xuyên - Hà Giang
- 330 . Chi Nhánh - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hòa - Phú Yên
- 331 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tịnh Hà - Quảng Ngãi
- 332 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Phong - Bắc Ninh
- 333 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Khánh - Khánh Hòa
- 334 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk
- 335 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
- 336 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Canh - Bình Định
- 337 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Lào Cai
- 338 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sầm Sơn - Thanh Hóa
- 339 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nha Trang - Khánh Hòa
- 340 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắc - Đắk Lắk
- 341 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
- 342 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vạn Ninh - Khánh Hòa
- 343 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến Xương - Thái Bình
- 344 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quý Châu - Nghệ An
- 345 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Păh - Gia Lai
- 346 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cam Lộ - Quảng Trị
- 347 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Hải - Thái Bình
- 348 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Chánh
- 349 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Knốp - Đắk Lắk
- 350 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lắk - Đắk Lắk

351. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Cát - Bình Định
352. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại An Lão - Bình Định
353. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Minh - Tây Ninh
354. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cao Phong - Hòa Bình
355. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tiên Yên - Quảng Ninh
356. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thủy Nguyên - Hải Phòng
357. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gio Linh - Quảng Trị
358. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Thành - Phú Yên
359. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Suối Tân - Khánh Hòa
360. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Ca - Khánh Hòa
361. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thọ Xuân Thanh Hóa
362. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hậu Lộc - Thanh Hóa
363. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trấn Yên - Yên Bái
364. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mê Linh - Hà Nội
365. Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
366. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Dương - Bình Định
367. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức An - Đắk Nông
368. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quy Đạt - Quảng Bình
369. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Ninh - Quảng Bình
370. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ba Tơ - Quảng Ngãi
371. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuyên Hóa - Quảng Bình
372. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòa Thắng - Đắk Lắk
373. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Đức - Hà Nội
374. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư M'gar - Đắk Lắk
375. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quốc Oai - Hà Nội
376. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tây - Hà Nội
377. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hới - Quảng Bình
378. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lệ Thủy - Quảng Bình
379. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Sơn - Quảng Ngãi
380. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Suối Đà - Tây Ninh
381. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lệ Thủy - Quảng Bình
382. Chi Nhánh số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đồng Hới - Quảng Bình
383. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Diên - Tây Ninh
384. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Bình Định
385. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cao Lộc - Lạng Sơn
386. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Khe Sanh - Quảng Trị
387. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Hưng - Thái Bình
388. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sông Lô - Vĩnh Phúc
389. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Nam Đàn - Nghệ An
390. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Anh Sơn - Nghệ An
391. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kim Thành - Hải Dương
392. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kỳ Tiến - Hà Tĩnh
393. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Lộc - Thanh Hóa
394. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Quảng Trạch - Thanh Hóa

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thế tiền bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 395 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hữu Lũng - Lạng Sơn
- 396 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Hà Giang
- 397 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Lộc - Nam Định
- 398 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trấn Cồn - Nam Định
- 399 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mường La - Sơn La
- 400 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Sơn - Tuyên Quang
- 401 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thành Phố Tuyên Quang
- 402 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Trấn Rịa - Ninh Bình
- 403 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Mô - Ninh Bình
- 404 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ninh Sơn - Tây Ninh
- 405 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thạch Hà - Hà Tĩnh
- 406 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diêm Điền - Thái Bình
- 407 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Cỏ - Chương Mỹ
- 408 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hạ Hòa - Phú Thọ
- 409 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thanh Ba - Phú Thọ
- 410 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phù Ninh - Phú Thọ

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp

- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình
Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:
(a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
(b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
(c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
(d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời:
 - Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
 - Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)
Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau:

• Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40 năm
• Máy móc thiết bị	06 - 12 năm
• Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
• Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
• TSCD hữu hình khác	03 - 05 năm
• Quyền sử dụng đất	07 - 48 năm
• Phần mềm kế toán, quản lý	3 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá qui định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên hàng kết quả hoạt động kinh doanh

7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :
 - (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
 - (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia
Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu
 - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
 - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
 - Các khoản thu khác

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 17,5 % và 8% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 - Tiền	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Tiền mặt	52.080.954.019	13.538.266.107
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	165.512.525.767	225.389.115.824
- Tiền đang chuyển	360.638.068	848.084.715
- Các khoản tương đương tiền	143.521.875	143.521.875
Cộng	218.097.639.729	239.918.988.521
2 - Các khoản đầu tư tài chính:	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
a) Chứng khoán kinh doanh		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Dài hạn	61.600.000.000	46.600.000.000
- Trái phiếu	61.600.000.000	46.600.000.000
Cộng		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
- Đầu tư vào công ty con	280.000.000.000	280.000.000.000
- Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	16.276.000.000	16.276.000.000
- Cty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	105.000.000.000	55.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	1.100.000.000.000	450.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	420.000.000.000	200.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Thủ Đức	2.800.000.000	2.800.000.000
- Cty Cổ Phần Hoa Sen Văn Hội	84.000.000.000	84.000.000.000
- Cty Cổ Phần Hoa Sen Yên Bái	250.000.000.000	100.000.000.000
- Cty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Khu Liên Hợp Luyện Cán Thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	4.000.000.000	3.000.000.000
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	3.500.000.000	2.500.000.000
- Cty TNHH MTV Cảng Tổng Hợp Quốc Tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cty TNHH Môi Trường Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	-	24.700.000.000
- Cty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Du Long		
Cộng	2.680.576.000.000	1.633.276.000.000

	Cuối kỳ 30/06/2018			Đầu kỳ 01/10/2017		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ CTy CP tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	55.624.444.583		55.624.444.583	51.952.178.134	(35.933.075.667)	16.019.102.467
+ Cty CP Hoa Sen Hội Văn	136.800.000	-	136.800.000	450.000.000	-	450.000.000
+ Cty CP Hoa Sen Quy Nhơn	27.900.000.000	-	27.900.000.000	27.900.000.000	-	27.900.000.000
+ Cty Cổ phần Dầu Từ Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Du Long	15.615.000.000		15.615.000.000			
Cộng	99.276.244.583	-	99.276.244.583	80.302.178.134	(35.933.075.667)	44.369.102.467
3 - Phải thu khách hàng & Trả trước cho người bán						
3.1 - Phải thu khách hàng ngắn hạn						
- Các bên khác			1.446.831.645.429			1.083.122.220.681
- Các bên liên quan			6.310.134.672.817			2.892.316.502.137
Cộng			7.756.966.318.246			3.975.438.722.818
3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn						
- Các bên khác			92.053.262.190			58.880.324.991
- Các bên liên quan			211.146.068.148			38.705.908.131
Cộng			303.199.330.338			97.586.233.122
4 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác						
- Tạm ứng			32.932.643.816			26.741.318.349
- Phải thu các bên liên quan			102.565.041.244			639.008.129.274
- Các khoản phải thu khác:			210.459.673.032			171.299.465.500
Cộng			345.957.358.092			837.048.913.123
5- Phải thu về cho vay						
a) Ngắn hạn						
- Các bên khác			-			25.400.000.000
- Các bên liên quan			7.660.295.900			-
Cộng			7.660.295.900			25.400.000.000
b) Dài hạn						
- Các bên liên quan			74.686.721.457			74.974.967.200
Cộng			74.686.721.457			74.974.967.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**BCTC RIÊNG****BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018****Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018***(Thế tiền bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)***Mẫu số B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
6 - Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi trên đường	45.417.384.474	2.529.588.787.627
- Nguyên liệu, vật liệu	298.793.270.886	843.767.940.021
- Công cụ, dụng cụ	217.994.293.059	224.760.876.405
- Thành phẩm	1.223.103.444.780	1.175.209.610.528
- Hàng hóa	889.142.742.476	677.488.468.657
Cộng giá gốc	2.674.451.135.675	5.450.815.683.238
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.919.864.821)	(22.786.661.832)

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:

* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC RIÊNG

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ đơn vị ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

7 - Tài sản dở dang dài hạn

Cuối kỳ
30/06/2018Đầu kỳ
01/10/2017

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm tài sản cố định

Xây dựng cơ bản dở dang

Sửa chữa lớn tài sản cố định

Cộng

12.661.333.799	241.007.879.131
2.529.111.854	1.783.610.120
22.890.000	4.874.878.475
15.213.335.653	247.666.367.726

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	649.108.058.078	3.485.804.694.207	379.532.151.416	32.008.589.505	19.317.349.271	4.566.370.722.417
* Mua trong kỳ	2.811.470.963	95.695.828.608	9.896.582.573	12.998.059.296	-	141.401.911.439
* Đầu tư XDCB hoàn thành	2.853.827.117	257.655.638.681	-	1.990.233.636	-	261.583.735.234
* Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	13.254.770.678	-	-	-	13.254.770.638
* Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
* Thanh lý, nhượng bán	7.350.592.579	69.776.199.301	69.951.487.332	891.610.796	-	117.595.922.098
* Điều chuyển TSCĐ cho Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	190.612.102.617	1.909.347.330.094	-	-	-	1.549.989.432.691
Số dư cuối kỳ	496.780.660.951	2.382.287.398.489	319.477.226.657	66.195.281.611	19.317.349.271	3.285.057.317.019
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	255.068.095.606	1.701.216.349.196	129.128.393.742	10.500.357.197	10.217.524.332	2.103.173.723.673
* Khấu hao trong kỳ	27.152.504.553	172.773.631.702	30.216.807.130	1.851.294.974	1.473.045.326	231.570.283.529
* Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.693.380.547	-	-	-	4.693.380.547
* Thanh lý, nhượng bán	6.286.922.352	28.587.774.435	19.432.794.216	891.610.796	-	55.198.681.819
* Điều chuyển TSCĐ cho Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	30.869.153.970	631.021.301.541	-	-	-	670.890.457.511
Số dư cuối kỳ	231.095.027.701	1.319.092.282.269	151.012.406.716	14.463.011.975	17.685.569.658	1.613.348.298.319
Giá trị còn lại của TSCĐ III						
* Tại ngày đầu kỳ	394.039.959.472	1.784.588.345.011	250.403.737.674	21.508.231.708	1.101.824.939	2.463.196.978.804
* Tại ngày cuối kỳ	265.685.633.200	1.164.195.116.220	188.464.819.941	51.732.269.636	1.631.679.613	1.671.709.518.100

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay;

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý;

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

9 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ thuê tài chính khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC					39.019.437.783
Số dư đầu kỳ	30.886.146.877	8.157.093.008			39.043.239.885
- Thuê tài chính trong kỳ	14.635.857.235	39.010.820.176			53.646.677.411
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	13.251.770.658	-			13.251.770.658
Số dư cuối kỳ	32.267.433.454	18.013.951.284			50.281.384.738
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	11.717.217.453	2.447.003.952			14.164.221.405
- Khấu hao trong kỳ	2.814.628.387	1.612.891.159			4.427.519.546
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	4.693.380.547	-			4.693.380.547
Số dư cuối kỳ	9.868.140.393	4.059.895.111			13.928.035.504
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC					-
- Tại ngày đầu kỳ	19.169.134.124	5.686.789.956			24.855.924.080
- Tại ngày cuối kỳ	22.394.993.161	43.981.955.973			66.376.949.134

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	280.481.532.265			1.144.357.711		281.626.889.976
* Tăng trong kỳ	718.364.200			42.951.974.198		43.670.338.198
* Thanh lý, nhượng bán	5.583.531.000			-		5.583.531.000
* Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	215.616.362.265	-	-	11.296.331.909	-	316.912.694.174
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	21.888.971.150			1.344.757.711		23.233.728.861
* Khấu hao trong kỳ	1.917.106.458			4.293.400.327		6.210.506.785
- Thanh lý, nhượng bán	617.492.758			-		617.492.758
- Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	23.158.791.150	-	-	5.618.158.038	-	28.776.949.188
Giá trị còn lại của TSCĐVH						
* Tại ngày đầu kỳ	258.592.561.115	-	-	-	-	258.592.561.115
* Tại ngày cuối kỳ	252.457.570.815	-	-	56.178.173.871	-	308.635.744.686

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay;

* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC RIÊNG

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

11 - Chi phí trả trước	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
a) Ngân hạn		
Chi phí quảng cáo	28.124.344.118	26.925.691.491
Chi phí thuê nhà xưởng, MMTB	26.918.430.479	19.734.754.783
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.305.528.724	11.418.276.450
Chi phí tư vấn	3.129.806.170	5.022.641.070
Chi phí bảo hiểm	1.702.110.446	1.650.845.702
Chi phí sửa chữa	2.777.751.906	2.626.399.145
Khác	25.287.158.124	7.044.166.651
Cộng	98.245.129.967	74.422.775.292
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	64.513.172.676	67.552.199.499
Chi phí sửa chữa	25.773.719.707	20.638.965.085
Chi phí thuê nhà xưởng	72.464.322.379	89.433.311.060
Chi phí làm băng hiệu	46.573.166.449	25.377.730.855
Khác	12.043.615.350	13.695.451.965
Cộng	221.367.996.561	216.697.658.464
12 - Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.071.822.889.561	7.402.317.620.460
<i>Vay từ ngân hàng</i>	9.917.990.547.568	7.204.366.078.759
Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn VN, CN Sài Gòn	-	46.000.000.000
Ngân Hàng Sinopac, CN TP HCM	135.900.000.000	-
Ngân Hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - CN TP.HCM	424.434.563.024	-
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Sài Gòn	-	356.192.812.511
Ngân Hàng TMCP Quốc Tế VN - CN TP HCM	-	267.096.812.128
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN, CN KCN Bình Dương	3.654.345.701.567	3.029.074.608.923
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN, CN Sở Giao Dịch 2	1.120.855.527.017	-
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải VN, CN TP.HCM	185.292.985.896	169.580.254.417
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN Nam Bình Dương	2.025.088.327.480	906.358.857.526
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN TP. HCM	473.228.316.133	338.787.032.800
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	192.119.896.642	183.738.960.831
Ngân Hàng TMCP Phương Đông	127.445.327.537	101.116.342.236
Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bình Dương	-	279.412.006.174
Ngân Hàng TMCP VN Thịnh Vượng	-	231.551.797.178
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN - CN Bình Dương	435.729.723.845	-
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Hsbc (VN)	694.257.738.021	560.998.382.668

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**BCTC RIÊNG****BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018****Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018***(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)***Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)****Vay từ ngân hàng (tiếp theo)**

Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (VN) - CN TP HCM	82.425.551.780	195.000.000.000
---	----------------	-----------------

Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Anz (VN)	232.208.137.726	411.180.558.828
--	-----------------	-----------------

Ngân Hàng United Overseas Bank VN - CN TP HCM	134.658.750.900	128.277.652.539
---	-----------------	-----------------

	<u>141.538.162.967</u>	<u>193.321.275.085</u>
--	------------------------	------------------------

Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả

CN Ngân Hàng Phát Triển Khu Vực Bình Dương - Bình Phước	-	12.967.201.065
---	---	----------------

Ngân Hàng TMCP Bản Việt	8.999.860.000	19.390.190.000
-------------------------	---------------	----------------

Ngân Hàng TMCP Á Châu, CN Tân Thuận	4.520.503.000	6.084.004.000
-------------------------------------	---------------	---------------

Ngân Hàng TMCP Công Thương VN, CN KCN Bình Dương	106.500.000.000	142.000.000.000
--	-----------------	-----------------

Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN Nam Bình Dương	15.000.000.000	-
---	----------------	---

Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bình Dương	6.517.799.967	12.879.880.020
--	---------------	----------------

	<u>12.294.179.026</u>	<u>4.630.266.616</u>
--	-----------------------	----------------------

Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả	4.829.832.486	-
--	----------------------	----------

Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế VN	3.307.249.285	4.409.665.692
--	---------------	---------------

Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP HCM	4.157.097.255	220.600.924
--	---------------	-------------

Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu	<u>167.638.693.760</u>	<u>237.114.284.830</u>
--	------------------------	------------------------

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	137.762.212.641	234.156.032.907
--	------------------------	------------------------

Vay từ ngân hàng	4.303.549.500	9.291.229.500
-------------------------	----------------------	----------------------

Ngân Hàng TMCP Bản Việt	6.439.576.000	9.566.578.000
-------------------------	---------------	---------------

Ngân Hàng TMCP Á Châu, CN Tân Thuận	64.924.771.861	135.924.771.861
-------------------------------------	----------------	-----------------

Ngân Hàng TMCP Công Thương VN, CN KCN Bình Dương	62.094.315.280	75.909.193.591
--	----------------	----------------

Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN, CN Nam Bình Dương	-	3.464.259.955
---	---	---------------

Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bình Dương	<u>29.876.481.119</u>	<u>2.958.251.923</u>
--	-----------------------	----------------------

Nợ dài hạn thuê tài chính	3.219.888.311	-
----------------------------------	----------------------	----------

Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế VN	22.460.309.148	2.958.251.923
--	----------------	---------------

Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP HCM	4.196.283.660	-
--	---------------	---

Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Á Châu	<u>10.239.461.583.321</u>	<u>7.639.431.905.290</u>
--	---------------------------	--------------------------

Tổng cộng (vay và nợ)	10.239.461.583.321	7.639.431.905.290
------------------------------	---------------------------	--------------------------

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuế tài chính trong kỳ như sau:

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2017

Tiền thu từ đi vay

Tiền chi trả nợ gốc vay

Tiền trả thuế tài chính

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Giá trị

7.639.431.905.290

21.517.240.362.538

18.910.687.191.067

6.523.493.440

10.239.461.583.321

Lịch thanh toán thuế tài chính

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản t toán tiền thuế TC	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản t toán tiền thuế TC	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	24.889.949.822	1.619.231.821	23.270.718.001	5.059.482.930	429.216.334	4.630.266.616
Từ 1-5 năm	19.307.760.433	407.818.289	18.899.942.144	3.050.680.613	92.428.720	2.958.251.923
Cộng	44.197.710.255	2.027.050.110	42.170.660.145	8.110.163.593	521.645.054	7.588.518.539

13 - Phải trả người bán & người mua trả tiền trước

13.1 - Phải trả người bán ngắn hạn

- Các bên khác

- Các bên liên quan

Cộng

Cuối kỳ

30/06/2018

Đầu kỳ

01/10/2017

566.356.294.090

2.926.831.509.306

619.395.001.654

381.237.934.811

1.185.751.295.744

3.308.069.444.117

13.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Các bên khác

- Các bên liên quan

Cộng

Cuối kỳ

30/06/2018

Đầu kỳ

01/10/2017

133.530.399.107

133.208.633.634

88.546.282.343

224.715.547.311

222.076.681.450

357.924.180.945

14 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra

- Thuế xuất, nhập khẩu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Các loại thuế khác

Cộng

Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
01/10/2017			30/06/2018
97.801.623.622	1.351.468.736.386	1.301.818.465.005	147.431.393.802
6.768.125.918	53.165.444.877	54.070.167.300	5.863.403.495
941.888.393	30.163.049.420	31.088.333.227	16.604.586
39.767.280.907	72.503.614.467	102.669.903.578	9.603.021.796
1.614.292.843	33.999.566.300	32.436.710.076	3.177.149.067
61.407.708	1.189.660.799	1.238.391.547	12.676.960
146.954.619.391	1.542.491.602.049	1.538.321.971.751	166.124.249.706

15 - Chi phí phải trả

- Chi phí lương tháng 13

- Chi phí điện

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí lãi vay

- Chi phí khác

Cộng

Cuối kỳ

30/06/2018

Đầu kỳ

01/10/2017

17.090.908.500

36.886.740.000

10.252.502.400

9.628.754.210

1.098.311.060

5.322.145.980

-

10.761.599.776

-

226.700.000

28.441.721.960

62.825.939.966

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIENG
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thế liên bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
16 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Phải trả cổ tức	4.557.368.125	4.598.464.925
- BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	460.460.860	777.656.800
- Phải trả cho các bên liên quan	56.345.431.397	25.716.800.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	612.714.629.234	29.146.424.533
Cộng	674.077.889.616	60.239.346.258
	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
17 - Dự phòng phải trả		
- Dự phòng tái cấu trúc	-	-
- Dự phòng phải trả khác	2.791.155.000	2.791.155.000
Cộng	2.791.155.000	2.791.155.000
	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
18 - Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
- Lợi nhuận chưa thực hiện	3.237.437.819	2.302.446.294
- Chi phí trích trước	12.491.454.628	14.347.792.714
- Các khoản dự phòng	4.224.693.477	13.610.183.079
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	142.451.723	1.135.161.780
- Khác	1.317.330.381	1.581.148.394
Cộng	21.413.368.028	32.976.732.261

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC RIÊNG

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

19 - Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước (01/10/2016)	1.955.558.220.000	551.571.933.521		6.784.575.670	1.751.151.906.267	1.276.886.705.458
- Lợi nhuận tăng trong năm trước					1.353.771.696.634	1.353.771.696.634
- Chi trả cổ tức bằng tiền					196.519.829.010	196.519.829.010
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					60.167.757.324	60.167.757.324
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn CSH				80.063.704.939	80.063.704.939	-
- Tăng từ phát hành cổ phiếu có chọn lựa cho người lao động	34.601.710.000					34.601.710.000
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	1.699.978.080.000				1.099.918.080.000	-
- Tăng từ thặng dư vốn cổ phần	399.988.750.000	399.988.750.000				-
- Phi mua ký chứng khoán						-
- Bán cổ phiếu quỹ						-
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH				52.512.539.434		52.512.539.434
- Trích thưởng hoàn thành KHSX					51.300.000.000	51.300.000.000
Số dư cuối năm trước (30/09/2017)	3.499.966.820.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.018.954.251.238	5.304.940.015.954
Số dư đầu kỳ này (01/10/2017)	3.499.966.820.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.618.554.251.338	5.304.940.015.954
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này					239.598.882.769	239.598.882.769
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				47.549.876.018	47.549.876.018	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi					53.266.556.487	53.266.556.487
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	319.916.450.000				349.936.450.000	-
- Chi trả cổ tức bằng tiền					349.957.383.020	319.957.383.020
- Mua cổ phiếu quỹ			(568.000.000)			(568.000.000)
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH				18.810.059.086		18.810.059.086
- Trích thưởng hoàn thành KHSX						-
Số dư cuối kỳ này (30/06/2018)	3.819.903.280.000	151.583.183.521	(568.000.000)	63.275.558.157	1.057.742.868.472	5.121.936.850.150

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	3.819.903.280.000	3.819.903.280.000		3.499.966.820.000	3.499.966.820.000	
- Thặng dư vốn cổ phần	151.583.183.521	151.583.183.521		151.583.183.521	151.583.183.521	
Cộng	4.001.486.463.521	4.001.486.463.521	-	3.651.550.013.521	3.651.550.013.521	

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018

Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân
phối cổ tức, lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

20- Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

- Đồng đô la Mỹ

- Đồng Euro

- Đồng đô la Úc

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

21 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán thành phẩm

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu khác

22- Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại

- Giảm giá hàng bán

- Hàng bán bị trả lại

23 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch
vụ

24 - Giá vốn hàng bán

- Giá vốn thành phẩm đã bán

- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán

Cộng

25 - Doanh thu tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi từ hoạt động đầu tư

- Lãi chênh lệch tỷ giá

Cộng

Cuối kỳ
30/06/2018Đầu kỳ
01/10/2017

3.499.966.830.000

1.965.398.290.000

349.936.450.000

1.534.568.540.000

3.849.903.280.000

3.499.966.830.000

699.893.833.000

196.539.829.000

Cuối kỳ
30/06/2018Đầu kỳ
01/10/2017

1.004.672,27

5.061.947,34

228,92

228,92

687,54

687,54

Kỳ này (từ 01-04-2018
đến 30-06-2018)Kỳ trước (từ 01-04-2017
đến 30-06-2017)

17.547.392.125.440

11.994.961.555.970

5.741.729.947.633

4.741.792.485.665

11.802.080.463.639

7.195.876.698.563

3.581.714.168

57.292.371.742

24.316.512.091

47.976.728.021

20.277.068.061

45.579.742.662

1.079.469.421

184.201.660

2.959.974.609

2.212.783.699

17.523.075.613.349

11.946.984.827.949

Kỳ này (từ 01-04-2018
đến 30-06-2018)Kỳ trước (từ 01-04-2017
đến 30-06-2017)

5.445.863.911.772

4.166.385.561.627

11.422.001.552.648

6.970.295.357.392

16.867.865.464.420

11.136.680.919.019

Kỳ này (từ 01-04-2018
đến 30-06-2018)Kỳ trước (từ 01-04-2017
đến 30-06-2017)

117.746.399

86.231.708

1.975.549.466

631.340.739

13.730.372.493

18.119.780.312

15.823.668.358

18.837.352.759

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIENG
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ đơn vị ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kỳ này (từ 01-04-2018 đến 30-06-2018)	Kỳ trước (từ 01-04-2017 đến 30-06-2017)
26 - Chi phí tài chính		
- Lãi vay	96.863.083.894	91.298.686.928
- Chênh lệch tỷ giá	27.333.898.186	2.953.385.419
- Chi phí tài chính khác	1.215.112.956	-
- DP giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	2.245.817.229
Cộng	125.412.095.036	96.497.889.576
27 - Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	302.725.402	4.488.520.988
- Các khoản khác	3.398.557.108	4.989.443.007
Cộng	3.701.282.510	9.477.963.995
28 - Chi phí khác		
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	-
- Các khoản khác	114.049.385	667.940.327
Cộng	114.049.385	667.940.327
29 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý		
<i>a) Chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên	89.821.909.500	72.405.387.001
Chi phí vật liệu hao bị	1.123.439.002	4.271.425.567
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.825.229.751	18.988.490.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.441.699.366	192.990.333.702
Chi phí bằng tiền khác	65.582.343.013	61.198.623.541
Cộng	418.794.620.632	349.854.260.186
29 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý (tiếp theo)		
<i>b) Chi phí quản lý</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	107.789.225.814	96.503.541.052
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.574.392.768	3.722.930.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.804.546.672	8.890.548.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.536.656.391	6.120.111.519
Chi phí bằng tiền khác	50.175.109.404	61.628.057.116
Cộng	185.879.931.049	176.865.187.848
30 - Chi phí thuế TNDN	975.426	43.396.250.353
31 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại		

VI - Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong quý III niên độ 2017 - 2018, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ này (từ 01-04-2018 đến 30-06-2018)	Kỳ trước (từ 01-04-2017 đến 30-06-2017)
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen		
Bán hàng	4.054.710.455.953	3.017.634.531.943
Mua hàng	4.161.734.632.642	4.199.007.300.026
Hàng bán bị trả lại	1.711.934.510	-
Mua tài sản cố định	-	1.239.000.000
Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen		
Bán hàng	1.460.646.895.097	631.475.511.272
Mua hàng	1.033.146.994.858	715.653.754.755
Mua tài sản cố định	136.202.200	-
Trả lại hàng mua	57.718.766	79.642.856
Hàng bán bị trả lại	361.548.291	-
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Cơ Khí Hoa Sen		
Cho thuê tài sản	1.989.000.000	2.601.000.000
Nhận dịch vụ vận chuyển	13.774.736.586	13.502.551.850
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định		
Bán hàng	10.353.638.949	33.340.701.640
Mua hàng	282.982.233.525	210.772.775.196
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng	2.518.667.981.848	1.639.657.856.054
Bán tài sản cố định	93.155.809	-
Mua hàng	2.318.077.166.196	1.168.763.881.033
Trả lại hàng mua, hàng mua được giảm giá	2.341.508.027	114.763.814
Hàng bán bị trả lại	-	136.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kỳ này (từ 01-04-2018 đến 30-06-2018)	Kỳ trước (từ 01-04-2017 đến 30-06-2017)
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định		
Bán hàng	581.739.348.221	127.750.158.573
Bán TSCĐ	-	8.435.500.000
Mua hàng	475.881.255.715	19.075.602.970
Lãi cho vay	-	34.698.611
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng	27.049.102.130	6.473.350.066
Cho thuê tài sản	28.500.000	-
Lãi cho vay	-	596.642.128
Mua hàng	156.165.287.018	14.222.165.774
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng	141.281.842.005	3.733.234.925
Thu lãi cho vay	153.355.556	-
Mua hàng	15.652.854.904	-
Công Ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen Yên Bái		
Bán hàng	166.323.158	363.478.444
Mua hàng	57.643.086.776	-
Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Yên Bái		
Thu lãi cho vay	1.720.900.466	-
Công Ty cổ phần Đầu tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long		
Thu lãi cho vay	101.293.444	-
Công Ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen		
Bán hàng	1.757.917.955.816	662.489.104.503
Cho thuê tài sản	541.860.000	-
Bán khác	-	50.858.296
Bán tài sản cố định	-	8.048.315.000
Chiết khấu thương mại	11.942.613.020	18.395.598.352
Hàng bán bị trả lại	593.510.452	246.615.232
Mua hàng	565.218.900.223	745.371.029.337
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An		
Nhận dịch vụ vận chuyển	127.958.642	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt

Kỳ này (từ 01-04-2018 đến 30-06-2018)	Kỳ trước (từ 01-04-2017 đến 30-06-2017)
585.000.000	495.000.000
3.366.388.561	3.425.533.875

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát
 Lương cho Ban Tổng Giám đốc

b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

i) Phải thu khách hàng

Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
2.735.855.173.061	1.372.719.862.467
863.715.263.842	423.765.967.282
6.563.700.000	-
588.406.913.082	666.455.845.353
1.291.321.356.346	416.327.068.751
22.252.819.988	-
279.309.571.529	10.215.237.917
-	2.380.875.132
522.709.874.969	451.645.235
6.310.134.672.817	2.892.316.502.137

Cty TNHH MTV Tôn Hòa Sen
 Cty TNHH MTV VLXD Hoa Sen
 Cty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen
 Cty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An
 Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định
 Cty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam
 Cty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ
 Cty TNHH Một Thành Viên VLXD Hoa Sen Yên Bái
 Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen
 Cộng

ii) Trả trước cho người bán

Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
184.498.460.137	-
26.647.608.011	38.705.908.131
211.146.068.148	38.705.908.131

Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội Bình Định
 Cty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam
 Cộng

iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
7.660.295.900	-
7.660.295.900	-

Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long
 Cộng

iv) Phải thu về cho vay dài hạn

Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
-	29.311.140.265
74.686.721.457	45.663.826.935
74.686.721.457	74.974.967.200

Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ
 Công Ty Cổ Phần Hoa Sen Yên Bái
 Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**BCTC RIÊNG****BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018****Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)***Mẫu số B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
v) Các khoản phải thu khác		
Ông Hoàng Đức Huy (Ứng trước tiền mua đất)	90.183.227.000	90.183.227.000
Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	-	76.653.509.042
Cty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	617.133	205.519.465.050
Cty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	5.895.764.638	5.895.764.638
Cty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	-	34.967.674.962
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	-	224.128.658.740
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	5.190.603.368	551.616.708
Cty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Khu Liên Hợp Luyện	923.312.250	923.312.250
Cán Thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	69.020.000	-
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	-	164.900.884
Cty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	13.000.000	10.000.000
Cty TNHH MTV Năng Lượng Tái Tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	13.000.000	10.000.000
Cty TNHH Một Thành Viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	-	-
Bãi	506.802	-
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	275.990.053	-
Cộng	102.565.041.244	639.008.129.274
	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
vi) Phải trả người bán		
Cty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	-	2.000.000.000
Cty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	25.794.897.516	14.226.066.980
Cty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	427.243.779.171	200.641.334.445
Cty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	96.414.573.364	56.166.912.937
Cty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	54.226.820.859	53.560.995.083
Công Ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	15.670.289.820	-
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	12.789.000	54.215.530.025
Cty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	31.851.924	427.095.341
Cộng	619.395.001.654	381.237.934.811
	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
vii) Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	88.546.282.343	78.751.807.428
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	-	145.963.739.883
Cộng	88.546.282.343	224.715.547.311

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC RIÊNG
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2017 - 2018
Từ 01 - 04 - 2018 đến 30 - 06 - 2018

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Cuối kỳ 30/06/2018	Đầu kỳ 01/10/2017
viii) Phải trả khác ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	73.050.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	363.900.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	41.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	153.000.000	-
Công ty TNHH MTV HS Nhơn Hội - Bình Định	241.200.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	939.956.500	-
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	105.934.897	16.800.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	427.390.000	-
Cty Cổ phần Dầu Tư Hạ tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	24.700.000.000
Công ty Cổ Phần Hoa Sen Quy Nhơn	53.000.000.000	-
DNTN KD Bất Động Sản Hương Sen	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	56.345.431.397	25.716.800.000

VII- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- 2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước): Không có
- 3- Những thông tin khác: Không có

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TRẦN QUỐC TRÍ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2018

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III VÀ LŨY KẾ 9 THÁNG ĐẦU NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2017-2018

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong Quý III NĐTC 2017-2018 và lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2017-2018 như sau:

1. Giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong Quý III NĐTC 2017-2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý III NĐTC 2017-2018 (từ 01/4/2018 đến 30/6/2018)	Quý III NĐTC 2016-2017 (từ 01/4/2017 đến 30/6/2017)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	17.523.075.613.349	11.946.984.827.949	5.576.090.785.400	47%
2	Giá vốn hàng bán	16.867.865.464.420	11.136.680.919.019	5.731.184.545.401	51%
3	Lợi nhuận gộp	655.210.148.929	810.303.908.930	-155.093.760.001	-19%
4	Doanh thu tài chính	15.823.668.358	18.837.352.759	-3.013.684.401	-16%
5	Chi phí tài chính	125.412.095.036	96.497.889.576	28.914.205.460	30%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>96.863.083.894</i>	<i>91.298.686.928</i>	<i>5.564.396.966</i>	<i>6%</i>
6	Chi phí bán hàng	418.794.620.632	349.854.260.186	68.940.360.446	20%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	185.879.931.049	176.865.187.848	9.014.743.201	5%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-59.052.829.430	205.923.924.079	-264.976.753.509	-129%
9	Thu nhập khác	3.701.282.510	9.477.963.995	-5.776.681.485	-61%
10	Chi phí khác	114.049.385	667.940.327	-553.890.942	-83%
11	Lợi nhuận khác	3.587.233.125	8.810.023.668	-5.222.790.543	-59%
12	Lợi nhuận trước thuế	-55.465.596.305	214.733.947.747	-270.199.544.052	-126%
13	Thuế TNDN hiện hành	975.426	43.396.250.353	-43.395.274.927	-100%
14	Thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	0%
15	Lợi nhuận sau thuế	-55.466.571.731	171.337.697.394	-226.804.269.125	-132%

Trong Quý III NĐTC 2017-2018, lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty Mẹ đạt (55,5) tỷ đồng, giảm 226,8 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2016-2017. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 5.576,1 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 5.731,2 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 155,1 tỷ đồng (từ 810,3 tỷ đồng xuống 655,2 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính tăng 28,9 tỷ đồng (từ 96,5 tỷ đồng lên 125,4 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 5,6 tỷ đồng (từ 91,3 tỷ đồng lên 96,9 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 68,9 tỷ đồng (từ 349,8 tỷ đồng lên 418,9 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9 tỷ đồng (từ 176,9 tỷ đồng lên 185,9 tỷ đồng).

2. Giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong 9 tháng đầu NĐTC 2017-2018

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2017-2018 (từ 01/10/2017 đến 30/6/2018)	Lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2016-2017 (từ 01/10/2016 đến 30/6/2017)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	46.768.802.088.737	33.894.772.409.070	12.874.029.679.667	38%
2	Giá vốn hàng bán	44.518.792.136.374	31.420.820.823.230	13.097.971.313.144	42%
3	Lợi nhuận gộp	2.250.009.952.363	2.473.951.585.840	-223.941.633.477	-9%
4	Doanh thu tài chính	46.332.119.537	49.701.077.876	-3.368.958.339	-7%
5	Chi phí tài chính	360.597.922.254	312.370.006.603	48.227.915.651	15%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>325.153.803.990</i>	<i>228.137.516.846</i>	<i>97.016.287.144</i>	<i>43%</i>
6	Chi phí bán hàng	1.108.637.427.089	872.792.529.389	235.844.897.700	27%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	531.788.470.761	441.357.350.399	90.431.120.362	20%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	295.318.251.796	897.132.777.325	-601.814.525.529	-67%
9	Thu nhập khác	29.443.002.087	68.543.880.449	-39.100.878.362	-57%
10	Chi phí khác	1.093.362.414	1.306.819.766	-213.457.352	-16%
11	Lợi nhuận khác	28.349.639.673	67.237.060.683	-38.887.421.010	-58%
12	Lợi nhuận trước thuế	323.667.891.469	964.369.838.008	-640.701.946.539	-66%
13	Thuế TNDN hiện hành	72.505.644.467	169.757.830.927	-97.252.186.460	-57%
14	Thuế TNDN hoãn lại	11.563.364.233	35.502.501.304	-23.939.137.071	-67%
15	Lợi nhuận sau thuế	239.598.882.769	759.109.505.777	-519.510.623.008	-68%

Trong 9 tháng đầu NDTC 2017-2018, lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty Mẹ đạt 239,6 tỷ đồng, giảm 519,5 tỷ đồng so với cùng kỳ NDTC 2016-2017. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 12.874,0 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 13.098,0 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 224,0 tỷ đồng (từ 2.474,0 tỷ đồng xuống 2.250,0 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính tăng 48,2 tỷ đồng (từ 312,4 tỷ đồng lên 360,6 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay tăng 97,0 tỷ đồng (từ 228,1 tỷ đồng lên 325,1 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 235,8 tỷ đồng (từ 872,8 tỷ đồng lên 1.108,6 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 90,4 tỷ đồng (từ 441,4 tỷ đồng lên 531,8 tỷ đồng).

Trân trọng cảm ơn và kính chào./. 

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC TRÍ

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu văn thư